TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2022/HNGD-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2022
Về việc: *Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Vũ Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Bà Đào Thị Ch, sinh năm 1962. (Có mặt)

ĐKHKTT: Xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 24, phường T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 653 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Phương L – Chức vụ: Chuyên viên QLRR – Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên.

+ Ông Thẩm Anh T, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã H1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

+ Anh Nguyễn Tuấn H3, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, phường Đ, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T trình bày:

Ông và bà Ch trước đây là vợ chồng, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Năm 2020, ông nộp đơn xin ly hôn bà Ch và đã được Tòa án giải quyết. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2020/QĐST -HNGĐ ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã công nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng ông, trong đó có phần tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản chung vợ chồng gồm:

- 01 nhà một tầng và gác xép xây năm 1999, bếp và công trình phụ trên một phần diện tích đất ở tại thửa 281, tờ bản đồ số 31, vị trí tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03124 cấp ngày 19/12/2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Minh Văn. Nguồn gốc diện tích đất này là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Văn năm 2017, chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông mà chỉ ghi nội dung thay đổi là ông Văn chuyển toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Mạnh T, ngày thay đổi là 30/10/2017 có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đồng Hỷ. Trên đất có 01 nhà cấp 3 xây 02 tầng, hiện tại ngôi nhà này bà Ch đang quản lý, sử dụng. Nhà đất này đang được thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Tuấn H3 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Đồng Hỷ.

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41, có diện tích 330m2 đất lúa. Vị trí thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mua chung cùng anh Thẩm Anh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Mạnh T đồng sở hữu với Thẩm Anh T.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, đất lâu năm khác, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, trên đất có 01 nhà cấp bốn, tài sản này mua của chị Nguyễn Thị Thanh Th.

Đối với toàn bộ 13 thửa đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W944233 cấp ngày 10/03/2003, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông bà Nguyễn Mạnh T, địa chỉ các thửa đất trên tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ. Cụ thể gồm các thửa sau: Thửa 281, tờ bản đồ số 31, có diện tích 400m2 đất ở; Thửa 281, tờ bản đồ số 31, có diện tích 1314m2 đất mầu; Thửa

90, tờ bản đồ số 31, có diện tích 2509m2 đất mầu; Thửa 107, tờ bản đồ số 31, có diện tích 104m2 đất mầu; Thửa 54, tờ bản đồ số 31, có diện tích 300m2 đất rừng; Thửa 67, tờ bản đồ số 32, có diện tích 655m2 đất rừng; Thửa 59, tờ bản đồ số 31, có diện tích 227m2 đất 1 lúa; Thửa 60, tờ bản đồ số 31, có diện tích 982m2 đất 1 lúa; Thửa 85, tờ bản đồ số 31, có diện tích 288m2 đất 1 lúa; Thửa 57, tờ bản đồ số 32, có diện tích 943m2 đất 1 lúa; Thửa 86, tờ bản đồ số 31, có diện tích 300m2 đất ao; Thửa 109, tờ bản đồ số 31, có diện tích 337m2 đất ao; Thửa 132, tờ bản đồ số 31, có diện tích 259m2 đất ao và một số thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa số 58, tờ bản đồ số 31 có diện tích 317m2, thửa số 87, tờ bản đồ số 31 có diện tích 131m2, thửa số 66, tờ bản đồ số 32 có diện tích 28m2 và thửa số 389, tờ bản đồ số 32 có diện tích 192m2 ông xác định là đất có nguồn gốc của bố mẹ để lại chưa chia cho các con và một số đồ dùng sinh hoạt lặt vặt khác ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông không nợ ai và không cho ai vay chung.

Năm 2018 vợ chồng ông ký bảo lãnh cho anh H3 vay tiền tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đồng Hỷ. Ông không được vay tiền, không được nhận tiền, bà Ch bảo xuống ngân hàng ký, thì ông đến ngân hàng ký. Đối với số nợ ngân hàng, ai là người đứng ra ký nhận vay và nhận tiền thì người đó có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này. Ông không có trách nhiệm trả, ông không liên quan gì đến khoản nợ này.

Đối với khoản nợ theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị Thu H2 ông xác định: Việc vay nợ giữa bà Ch với bà H2 ông không biết, ông cũng không biết bà H2 là ai, bà Ch vay khi nào ông cũng không biết, bà Ch cũng không bao giờ nói cho ông biết khoản vay này. Bà Ch tự lấy giấy CNQSD đất đi thế chấp mà không thông báo cho ông nên ông không được biết. Tiền mua nhà là tiền của vợ chồng ông tiết kiệm và tiền của con trai ông là cháu H3 vay Ngân hàng. Nay bà H2 yêu cầu trả khoản tiền vay trên ông đề nghị bà Ch vay bà Ch có trách nhiệm phải trả.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị Ch trình bày: bà và ông T trước đây là vợ chồng, ông bà kết hôn năm 1982. Tháng 6/2020, ông T nộp đơn ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2020/QĐST - HNGĐ ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã công nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng ông bà, trong đó phần tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết.

Bà xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung gồm:

- 13 thửa đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00343 cấp ngày 10/03/2003, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông bà Nguyễn Mạnh T, địa chỉ các thửa đất trên tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ. Cụ thể gồm các thửa sau: Thửa 281, tờ bản đồ số 31, có diện tích 400m2 đất ở; Thửa 281, tờ bản đồ số 31, có diện tích 1314m2 đất mầu; Thửa 90, tờ bản đồ số 31, có diện tích 2509m2 đất mầu; Thửa 107, tờ bản đồ số 31, có diện tích 104m2 đất mầu; Thửa 54, tờ bản đồ số 31, có diện tích 300m2 đất rừng; Thửa 67, tờ bản đồ số

32, có diện tích 655m2 đất rừng; Thửa 59, tờ bản đồ số 31, có diện tích 227m2 đất 1 lúa; Thửa 60, tờ bản đồ số 31, có diện tích 982m2 đất 1 lúa; Thửa 85, tờ bản đồ số 31, có diện tích 288m2 đất 1 lúa; Thửa 57, tờ bản đồ số 32, có diện tích 943m2 đất 1 lúa; Thửa 86, tờ bản đồ số 31, có diện tích 300m2 đất ao; Thửa 109, tờ bản đồ số 31, có diện tích 337m2 đất ao; Thửa 132, tờ bản đồ số 31, có diện tích 259m2 đất ao và một số thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa số 58, tờ bản đồ số 31 có diện tích 317m2, thửa số 87, tờ bản đồ số 31 có diện tích 131m2, thửa số 66, tờ bản đồ số 32 có diện tích 28m2 và thửa số 389, tờ bản đồ số 32 có diện tích 192m2. Nguồn gốc diện tích đất trên, một phần của bố mẹ cho từ năm 1982, một phần là do ông bà tự khai phá và một phần được Hợp tác xã chia định suất ruộng theo khẩu gia đình gồm có ông T được chia 2,5 sào (900m2), bà được chia 2,5 sào (900m2) và anh H3 được chia 1 sào (360m2)

- 01 nhà một tầng và gác xép xây năm 1999, bếp và công trình phụ trên một phần diện tích đất 400m2 đất thổ cư tại thửa 281, tờ bản đồ số 31, vị trí tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03124 cấp ngày 19/12/2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Minh Văn. Nguồn gốc diện tích đất này là do vợ chồng bà mua của ông Văn năm 2017, chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Trên đất có 01 nhà cấp 3 xây 02 tầng, hiện tại ngôi nhà này bà đang quản lý, sử dụng. Nhà đất này đang được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Tuấn H3 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Đồng Hỷ, vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để mua chính diện tích đất này, thời hạn vay đến năm 2028

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41, có diện tích 330m2 đất lúa. Vị trí thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mua chung cùng anh Thẩm Anh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Mạnh T đồng sở hữu với Thẩm Anh T.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, trên đất có 01 nhà cấp bốn, tài sản này mua của chị Nguyễn Thị Thanh Th. Ngoài ra còn một số đồ dùng sinh hoạt lặt vặt khác.

Nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn bà nhất trí và đề nghị:

- Đối với những tài sản ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Đối với những tài sản ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: bà không nhất trí chia tài chung là nhà đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên vì đang thế chấp tài sản này tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Đồng Hỷ để bảo lãnh cho khoản vay của anh Nguyễn Tuấn H3 – con chung của bà với

ông T và nhà đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên vì tài sản này đang thế chấp cho bà Phạm Thị Thu H2 để vay tiền mua nhà đất tại xóm Đ (thửa đất số 256 nêu trên).

- Những tài sản chung còn lại theo yêu cầu chia của ông T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Bà xác định ngày 10/10/2017 bà có vay của bà Phạm Thị Thu H2 số tiền 700.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,3%/1 tháng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua nhà và đất tại xã H1. Khi mua nhà và đất tại xã H1 với giá trị là 1.370.000.000đ, trong đó 1.350.000.000đ là tiền mua nhà và 20 triệu là tiền thuế. Khi trả tiền thì cả nhà bà cùng đi trả nhưng nguồn tiền do một mình bà vay mượn. Toàn bộ tiền mua nhà đất 1.370.000.000đ là do bà vay của bà H2 là 700 triệu đồng, anh H3 đưa cho bà 550 triệu đồng. Khi hết tiền, bà yêu cầu ông T bán vàng tích góp của vợ chồng bà là 13 chỉ vàng do bà mua tặng các cháu của bà, ông T đi bán đưa cho bà 50 triệu đồng, số tiền còn lại để mua nhà đất là do bà đi vay nhiều nơi, đến nay bà đã trả hết.

Khi vay tiền bà H2 thì chỉ có một mình bà vay và thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc mang tên Nguyễn Thị Thanh Th số AC387441 và 01 Biên bản kiểm tra hiện trạng hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản gốc), không làm thủ tục đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, vay tiền tại nhà bà H2 có người làm chứng là chị Nguyễn Thị X là bạn bà. Bà với bà H2, bà X có quan hệ là bạn bè, việc vay tiền giữa bà với bà H2 chỉ có một mình bà biết, bà cũng không nói cho ông T biết, ông T cũng không biết bà H2 và bà X. Khi bà vay tiền, bà xác định mình có trách nhiệm trả nợ vì từ trước đến nay khi vợ chồng chung sống thì bà là người trực tiếp trả nợ. Khi vay tiền bà H2, bà không nghĩ đến ngày vợ chồng ly hôn.

Nay bà xác định khoản vay của bà H2 để mua nhà đất là tài sản chung vợ chồng thì khoản vay này là vay chung của vợ chồng, nên bà yêu cầu ông T cùng với bà phải có trách nhiệm cùng trả nợ cho bà H2.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị Thu H2 trình bày:*

Ngày 10/10/2017 bà Ch có đến nhà bà vay số tiền 700.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận 1,3%/ 1 tháng, thời hạn vay 60 tháng, đến ngày 10/10/2022 thì bà Ch phải trả tiền cho bà. Khi vay chỉ có một mình bà Ch vay và bà Ch thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc mang tên Nguyễn Thị Thanh Th số AC387441 và 01 Biên bản kiểm tra hiện trạng hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi vay tiền thì vay tại nhà bà và hai bên có viết giấy vay tiền, trong nội dung giấy vay tiền có nội dung bà Ch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biên bản kiểm tra hiện trạng. Việc vay tiền giữa bà Ch và bà có người làm chứng là chị Nguyễn Thị X là bạn bà Ch đi cùng bà Ch. Ngoài ra hai bên không làm giấy tờ thế chấp riêng, không làm thủ tục đăng ký thế chấp tại đâu. Bà không quen biết ông T. Trong quá trình chị em chơi với nhau bà vẫn thường cho bà Ch vay và bà Ch trả đúng hẹn. Bà Ch mượn tiền bà để mua nhà ở H1 mà hiện nay ông T đang xác định là tài sản chung. Đến nay

bà Ch, ông T yêu cầu Cha tài sản sau khi ly hôn, mặc dù số nợ trên chưa đến hạn nhưng yêu cầu ông T, bà Ch phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng, lãi đến 25/3/2022 là 382.900.000đồng, tổng cả gốc và lãi là 1.182.900.000đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầu tiền lãi đề nghị tính đến ngày xét xử để đảm bảo quyền lợi cho bà.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn H3 trình bày:*

Đối với tài sản của bố mẹ anh, anh tôn trọng quyền quyết định của bố mẹ anh. Anh H3 xác định anh không có ý kiến gì, không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên đại diện theo ủy quyền bà Lục Phương L trình bày:*

Đất và nhà tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ là tài chung của ông T và bà Ch hiện đang thế chấp tại Ngân hàng để bảo lãnh cho anh Nguyễn Tuấn H3 – con trai của ông T, bà Ch vay số tiền 450 triệu đồng để mua nhà đất năm 2018, thời hạn vay đến năm 2024. Tính đến ngày 02/8/2021 anh H3 còn nợ số tiền gốc 193.750.000đ và lãi phát sinh.

Nay ông T, bà Ch giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn có liên quan đến tài sản đang thế chấp tại ngân hàng nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ không thực hiện phân chia tài sản nêu trên khi tài sản vẫn còn nghĩa vụ tại Ngân hàng và chỉ thực hiện phân chia tài sản khi các tài sản đã hết nghĩa vụ (Tài sản đã được Ngân hàng giải chấp)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thẩm Anh T trình bày:*

Đối với phần diện tích đất là 330m^2, đất lúa tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ mà ông là đồng sở hữu với ông T, bà Ch, ông có 1/2 diện tích đất. Vì diện tích đất lúa không được tách thửa nên ông có nguyện vọng được mua lại.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:*

Bà có quan hệ quen biết với ông T và bà Ch, năm 2011 bà có làm thủ tục chuyển nhượng cho ông T, bà Ch diện tích đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Bà xác định chuyển nhượng cho vợ chồng ông T bà Ch từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông T, bà Ch chia tài sản sau khi ly hôn bà không có ý kiến, đề nghị gì. Nếu sau này diện tích đất này thuộc về ai thì bà có trách nhiệm làm các thủ tục chuyển nhượng cho người đó theo đúng quy định của pháp luật.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị X trình bày:* Bà là bạn của bà Ch, ngày 10/10/2017 bà Ch có đến nhà bà H2 vay số tiền là 700.000.000đ, khi vay chỉ có bà H2, bà Ch và bà, ngoài ra không có ai khác. Bà H2 là người viết giấy vay tiền, bà được chứng kiến và ký vào giấy vay nợ với tư cách người làm chứng.

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến để tiến hành làm bản tự khai, tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, thẩm định, định giá tài sản cũng như triệu tập các bên đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Tại phiên hòa giải các

bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 49, 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn, đối với tài sản đang thế chấp đề nghị không xem xét. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan buộc bà Ch phải thanh toán số tiền đã vay là 700.000.000 đồng và lãi phát sinh. Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định, miễn án phí cho ông Tương, bà Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T**,** Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn"***,** được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn bà Đào Thị Ch có địa chỉ tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

[3] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên, anh Thẩm Anh T, anh Nguyễn Tuấn H3 nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Về nội dung*:

[1] Trong đơn khởi kiện ban đầu ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng gồm: toàn bộ 13 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh T và diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ; Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41, có diện tích 330m2 đất lúa, vị trí thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mua chung cùng anh Thẩm Anh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Mạnh T đồng sở hữu với Thẩm Anh T; Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích

152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có diện tích 150m^2, trên đất có 01 nhà cấp bốn, mua của chị Nguyễn Thị Thanh Th.

Sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với toàn bộ 13 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh T và diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Còn các tài sản khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn như nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án. Phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nhất trí đối với yêu cầu chia tài sản là diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, đất lâu năm khác, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc tài sản chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay cả ông T và bà Ch đều xác định đối với các tài sản hiện nay ông T đang yêu cầu Tòa án giải quyết là tài sản chung vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân chưa được giải quyết. Đây là tình tiết được các bên thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử xác định tài sản chung vợ chồng ông T, bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết gồm có: - 01 nhà ở cấp 3 xây năm 1999, bếp, công trình phụ, sân, T rào trên diện tích đất tại thửa 281, tờ bản đồ số 31, vị trí tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03124 cấp ngày 19/12/2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Minh Văn. Trên đất có 01 nhà cấp 3 xây 02 tầng, hiện tại ngôi nhà này bà Ch đang quản lý, sử dụng. Nhà đất này đang được bảo lãnh cho khoản vay của anh Nguyễn Tuấn H3 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Đồng Hỷ.

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41, có diện tích 330m2 đất lúa. Vị trí thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mua chung cùng anh Thẩm Anh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 407285 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/8/2019 mang tên ông Nguyễn Mạnh T cùng sử dụng đất với ông Thẩm Anh T.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 387441 do UBND huyện Đồng Hỷ cấp ngày 08/6/2005 mang tên Nguyễn Thị Thanh Th, trên đất có 01 nhà cấp bốn, tài sản này mua của chị Nguyễn Thị Thanh Th.

Do đó yêu cầu của ông T về việc chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 256, tờ bản đồ số 25, diện tích 83m2 đất ở, vị trí thửa đất tại xóm Đ, xã H1, huyện Đồng Hỷ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03124 cấp ngày 19/12/2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Minh V, trên đất có 01 nhà cấp 3 xây 02 tầng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay toàn bộ tài sản là nhà và đất này đang được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Tuấn H3 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phòng giao dịch huyện Đồng Hỷ theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/5192232/HĐBĐ ngày 08/02/2018, hợp đồng thế chấp có hiệu lực cho đến khi bên được bảo đảm đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm. Bà Ch là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên đề nghị, khi nào tất toán khoản vay của người được bảo lãnh thì mới tiến hành giải quyết tài sản này. Vì vậy căn cứ vào các Điều 319, 320 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn chia thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, trên đất có 01 nhà cấp bốn, tài sản này nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Thanh Th. Chị Th xác định đã chuyển nhượng cho ông T, bà Ch nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Bị đơn bà Ch không nhất trí chia vì cho rằng đã thế chấp cho bà Phạm Thị Thu H2. Tuy nhiên phía bà Ch và bà H2 đều xác định việc thế chấp không làm thủ tục thế chấp theo quy định. Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 152m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên chưa làm thủ tục chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho, thừa kế tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy việc ông T yêu cầu chia tài sản đối với diện tích đất và tài sản trên đất là có căn cứ.

Kết quả thẩm định và định giá tài sản xác định:

- Về tài sản trên đất gồm 01 nhà ở cấp 3 xây năm 1999, bếp, công trình phụ, sân, T rào được xây dựng trên diện tích đất tại thửa 281, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có giá trị: 268.400.000đ (Hai sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)

- Đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích đo đạc thực tế là 143,9m2, đất cây lâu năm, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, có tổng giá trị là: 153.107.800đồng.

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41 có diện tích đo đạc thực tế là 330m2, đất trồng lúa, địa chỉ thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có tổng giá trị là 21.450.000đồng. Đây là quyền sử dụng đất mua chung với ông Thẩm Anh T nên xác định ông Nguyễn Mạnh T và bà Đào Thị Ch có ½ giá trị là 10.725.000đồng.

Các bên đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết luận định giá của Hội đồng định giá. Do vậy xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng theo yêu cầu giải quyết của ông T, bà Ch là 432.232.800đồng, mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản là 216.116.400đồng.

Hiện nay ông T đang quản lý sử dụng tài sản gồm nhà ở, nhà bếp, sân, tường rào tại thửa số 281, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho ông T quản lý, sử dụng tài sản trên, có tổng giá trị là 268.400.000đồng (Hai sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích đo đạc thực tế là 143,9m2, đất cây lâu năm, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên cần giao cho bà Ch quản lý, sử dụng, có tổng giá trị là: 153.107.800đồng.

Đối với diện tích đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41 có diện tích đo đạc thực tế là 330m2, đất trồng lúa, địa chỉ thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T cùng sử dụng đất với ông Thẩm Anh T, có tổng giá trị là 21.450.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Mạnh T nên giao cho ông T được tiếp tục quản lý, sử dụng cùng ông T.

Như vậy tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Mạnh T được hưởng là 268.400.000đồng + 10.725.000đồng = 279.125.000đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Ông Nguyễn Mạnh T có trách nhiệm chích chia chênh lệch tài sản cho bà Đào Thị Ch số tiền 63.008.600đồng.

Đối với toàn bộ 13 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh T và diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có địa chỉ tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Phạm Thị Thu H2, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H2 và bà Ch trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay vẫn xác định bà Ch vay bà H2 số tiền 700.000.000đ có viết giấy vay nợ giữa hai bên và có bà X là người làm chứng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định bà Ch có vay của bà H2 số tiền 700.000.000đ vào ngày 10/10/2017. Bà H2 và bà Ch cho rằng khoản tiền vay này là vay chung của vợ chồng ông T, bà Ch để mua nhà đất. Tuy nhiên khoản vay này khi đi vay chỉ có một mình bà Ch vay, bà Xn, bà H2 không biết ông T và ông T cũng không biết bà H2. Sau khi vay từ năm 2017, thời điểm đó ông T, bà Ch vẫn là vợ chồng nhưng bà Ch cũng chưa bao giờ nói với ông T về khoản vay này. Do vậy việc bà Ch và bà H2 cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là không có căn cứ để chấp nhận, xác định đây là khoản vay riêng của bà Ch.

Do đây là khoản vay riêng của bà Ch nên cần buộc bà Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H2 số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Các bên đều thừa nhận thỏa thuận lãi suất 1,3%/ tháng, tại phiên tòa bà H2 yêu cầu phải trả tiền lãi cho đến ngày xét xử, do vậy chấp nhận mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 1,3%/tháng x 58 tháng 28 ngày x 700.000.000 đồng = 536.293.333đồng.

Tổng cả gốc và lãi bà Ch có trách nhiệm thanh toán cho bà H2 là 1.236.293.333đồng

[3] Về chi phí tố tụng và án phí ly hôn sơ thẩm: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 9.100.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn là bà Ch phải chịu theo quy định. Ông T đã nộp toàn bộ chi phí nên buộc bà Ch phải hoàn trả cho ông T số tiền 4.550.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Do yêu cầu của bà H2 được chấp nhận nên hoàn trả bà H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đào Thị Ch là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí cho ông T, bà Ch theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 165, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T.

2. Giao cho ông Nguyễn Mạnh T được quyền quản lý, sử dụng:

- Về tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 3 xây năm 1999, bếp, công trình phụ, sân, tường rào trên diện tích đất tại thửa 281, tờ bản đồ số 31, vị trí tại xóm L, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về quyền sử dụng đất: ½ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 41, có tổng diện tích 330m2 đất lúa. Vị trí thửa đất tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 407285 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/8/2019 mang tên ông Nguyễn Mạnh T cùng sử dụng đất với ông Thẩm Anh T.

- Ông Nguyễn Mạnh T có nghĩa vụ trích chia chênh lệch tài sản cho bà Đào Thị Ch số tiền 63.008.600đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng).

3. Giao cho bà Đào Thị Ch được quyền quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 42, diện tích 143,9m2, địa chỉ tại xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 387441 do UBND huyện Đồng Hỷ cấp ngày 08/6/2005 mang tên Nguyễn Thị Thanh Th, trên đất có 01 nhà cấp bốn.

Bà Đào Thị Ch và bà Nguyễn Thị Thanh Th có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để liên hệ làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

- Nhận số tiền 63.008.600đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng) là tiền ông T có trách nhiệm chích chia chênh lệch tài sản.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Buộc bà Đào Thị Ch phải trả cho bà Phạm Thị Thu H2 số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi đến ngày 07/9/2022 là 536.293.333đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.236.293.333đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bà Phạm Thị Thu H2 có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc và Biên bản kiểm tra hiện trạng hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất bản gốc cho bà Đào Thị Ch để bà Ch làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

5.Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đào Thị Ch hoàn trả cho ông Nguyễn Mạnh T số tiền 4.550.000đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

6.Về án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Mạnh T và bà Đào Thị Ch.

- Hoàn trả bà Phạm Thị Thu H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.743.580đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi đồng) tại biên lai thu số 0005335 ngày 27/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông T, bà Ch, bà H2, bà Th báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H3, anh T, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châm Thị Vân Khánh